

Tìm hiểu quan điểm của nghiên cứu sinh học tiếng Trung là ngoại ngữ thứ 2 về nền tảng học ngôn ngữ Duolingo

Nguyễn Thị Dung*

*Trường ĐHNN, ĐH Quốc Gia Hà Nội

Received: 18/01/2024; Accepted: 25/01/2024; Published: 8/3/2024

Abstract: In the current era of globalization, the pursuit of learning foreign languages has gained significant popularity. In Vietnam, beyond English, languages such as Chinese, Korean, Japanese, etc., are on the rise. At the University of Languages and International Studies - Vietnam National University, Hanoi, postgraduates are required to acquire proficiency in a second foreign language alongside their major, and many have chosen Chinese. To achieve the B2 level in Chinese, some postgraduates opt for advanced courses at language centers, while others hire private tutors. Regardless of the method, many postgraduates integrate the Duolingo language learning platform into their schedules during free time. Duolingo, offering courses ranging from basic to advanced levels, not only provides convenience but also enhances the enjoyment of the learning process. Despite the widespread adoption of Duolingo as a language learning app, there is currently a lack of comprehensive research on the advantages and limitations of Duolingo for learning Chinese as a second foreign language, particularly for postgraduates. Hence, this study aims to evaluate the perspectives of postgraduate students when utilizing Duolingo to learn Chinese as their second foreign language.

Keywords: Duolingo, language-learning platform, gamification

1. Đặt vấn đề

Khi tiếng Anh mới bắt đầu trở nên thông dụng, mục tiêu chính của việc dạy và học tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ 2 là giúp người học hình thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh từ đó vận dụng vào quá trình giao tiếp, học tập. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay khi tiếng Anh trở thành 1 ngôn ngữ toàn cầu với số lượng người sử dụng thành thạo ngôn ngữ này ngày càng trẻ hóa và có xu hướng tăng nhanh, việc dạy và học tiếng Anh không chỉ giới hạn ở việc giúp người học sử dụng thành thạo 4 kỹ năng nói trên mà còn chú trọng vào việc trang bị cho họ các kiến thức và kỹ năng thiết yếu của thế kỷ 21 như tư duy phân biện, sáng tạo, hợp tác Do đó, trong những năm gần đây, SV tại trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN có cơ hội được học các môn học mới với các hình thức đánh giá đổi mới, trong đó phải kể đến môn Tiếng Anh Du Lịch (TADL) – English for Tourism – với bài tập lớn có tên gọi là Final Pitch. Để làm bài tập lớn này, SV làm việc theo nhóm 5, lựa chọn 1 địa điểm du lịch phù hợp, làm 1 video quảng bá về địa điểm đó, viết 1 bản kế hoạch quảng bá chi tiết và chuẩn bị 1 bài thuyết trình về kế hoạch đó. Ở khoa SPTA, trường ĐHNN, ĐHQGHN, bài tập lớn này trong môn TADL nhận được sự đánh giá cao từ phía GV.

Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào được tiến hành về quan điểm của chính các em sinh viên về bài tập này. Vì vậy, tôi đã quyết định tiến hành nghiên cứu về quan điểm của sinh viên năm 2 về bài tập lớn trong môn TADL.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận xét của SV về việc lựa chọn địa điểm du lịch cho kế hoạch quảng bá và thu thập thông tin cho bài tập lớn

SV được yêu cầu xây dựng chiến lược quảng cáo về 1 địa điểm du lịch mà các em lựa chọn. Đây là bước mà SV cảm thấy khó khăn nhất. Nếu lựa chọn một địa điểm ít người biết đến, các em sẽ thu thập được rất ít thông tin về địa điểm đó (đặc biệt là tài liệu nghe nhìn). Ví dụ, nhóm làm về núi Trầm (Chung Mỹ, Hà Nội) không tìm thấy video nào phù hợp với yêu cầu của đề bài và phù hợp với ý đồ sử dụng của nhóm. Do đó, nhóm đã phải đích thân đến địa điểm đó để quay video. Việc lựa chọn 1 địa điểm ít được biết đến cũng gây khó khăn cho các em trong quá trình lên ý tưởng thiết kế tour du lịch vì ở lân cận địa điểm đó chưa có đủ cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Mặt khác, nếu địa điểm được chọn đã khá nổi tiếng, các em sẽ gặp khó khăn trong việc xây dựng 1 tour du lịch thực sự khác biệt để cạnh tranh với các tour đã và đang vận hành. Vì

dụ, nhóm làm tour các địa điểm ở trung tâm thành phố Hà Nội như phố đi bộ, nhà tù Hỏa Lò đã mất rất nhiều thời gian để tìm ra điểm nhấn cho tour của mình vì đây đều là các địa điểm quen thuộc mà du khách có thể tự khám phá khi đến Hà Nội.

2.2. Nhận xét của SV về việc mở rộng kiến thức về marketing

Trong môn TADL, SV được học rất nhiều kiến thức mới và thú vị, ví dụ như các loại hình du lịch, cách thức vận hành 1 tour du lịch, các dịch vụ và nghề nghiệp trong ngành du lịch, v.v. Các em cũng được hướng dẫn cách làm bài tập lớn trong 1 buổi học và được học 1 chương về quảng bá trong ngành du lịch. Tuy nhiên, đa số các em nhận thấy nội dung chương này chứa đựng nhiều lý thuyết chung chung và không có nhiều lợi ích thiết thực cho các em khi làm bài tập lớn. Cụ thể, các em được học về định nghĩa, lịch sử hình thành và phát triển và đặc điểm của quảng bá du lịch, nhưng lại không được học về cách phân tích chi phí vận hành, các nguồn lợi nhuận, xây dựng kế hoạch hành động chi tiết v.v. Các em cũng mong muốn nội dung chương này và buổi hướng dẫn được đẩy lên sớm hơn thay vì là gần cuối khóa học để từ đó có định hướng đúng đắn hơn cho bài tập lớn của nhóm mình vì bài tập này đòi hỏi các em có sự chuẩn bị ngay từ đầu học kỳ.

2.3. Nhận xét của SV về việc mở rộng kiến thức về địa điểm du lịch

Phần lớn SV được phỏng vấn đều cho rằng 1 trong những lợi ích quan trọng nhất của bài tập lớn này là các em sẽ có thêm rất nhiều kiến thức về địa điểm du lịch các em lựa chọn. Điều này không chỉ đúng với các nhóm lựa chọn địa điểm ít được biết đến mà còn đúng với các nhóm lựa chọn các địa điểm nổi tiếng vì trước đó các em chỉ nắm được 1 số thông tin cơ bản về nơi đó: nằm ở tỉnh nào, phong cảnh có đẹp không, có món ăn nào đặc trưng v.v. Ngược lại, có bạn cho rằng lợi ích này không lâu dài vì các em có thể quên các kiến thức đó sau khi môn học kết thúc vì lượng thông tin các em cần nhớ là rất lớn và chỉ phục vụ cho quá trình làm bài tập lớn.

2.4. Nhận xét của sinh viên về việc làm việc theo nhóm

1 lợi ích khác mà SV chỉ ra là kỹ năng làm việc theo nhóm. Thực ra, ở bậc đại học, SV có cơ hội làm việc theo nhóm rất nhiều. Tuy nhiên, các nhóm đó thường bao gồm các thành viên học cùng 1 lớp. Môn TADL là môn tự chọn nên các thành viên trong nhóm có thể đến từ nhiều lớp khác nhau, thậm chí

có cả các anh chị SV khóa trên. Do đó, các em có cơ hội để kết bạn mới, mở rộng mối quan hệ và cải thiện kỹ năng làm việc theo nhóm với các thành viên chưa từng quen biết.

Tuy nhiên, làm nhóm với các thành viên học các lớp khác nhau cũng gây ra 1 số bất lợi trong quá trình hợp tác. Cụ thể, các bạn có lịch học khác nhau, lại bận rộn việc làm thêm vào buổi tối nên các em rất khó sắp xếp thời gian để gặp nhau thảo luận trực tiếp. Trong khi đó, thảo luận qua mạng đôi khi cũng có 1 số trở ngại nhất định như kết nối không ổn định, 1 vài thành viên không chú ý, khó để truyền đạt ý kiến cá nhân v.v. Ngoài ra, làm việc nhóm cũng có thể khiến chất lượng các phần không đồng đều. Ví dụ, có SV chia sẻ rằng, cả nhóm em ngồi thảo luận về nội dung cần đưa lên slides và phân công việc cho các thành viên. Tuy nhiên, có bạn làm slides rất chịn chu, nhưng cũng có bạn không đầu tư đủ thời gian và công sức, dẫn đến chất lượng phần đó không đồng đều với các phần còn lại.

2.5. Quan điểm của SV về việc thiết kế và dựng video

Nhiều SV bày tỏ rằng do sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng xã hội, quảng cáo video hiện đang là 1 trong các cách thức quảng bá được ưa chuộng nhất, và thông qua bài tập lớn này, các em đã biết cách dựng video 1 cách chuyên nghiệp hơn. Tuy thế, vẫn có SV có quan điểm trái ngược rằng mặc dù đây là sản phẩm chung của cả nhóm và tất cả các thành viên đều thảo luận để thống nhất cách làm, mỗi bạn lại được phân công làm 1 mảng khác nhau dựa trên thế mạnh của bản thân, do đó không phải bạn nào cũng tham gia vào quá trình dựng video.

Trong quá trình thiết kế và dựng video, SV cũng gặp 1 số khó khăn. Thứ nhất, yêu cầu về độ dài của video là 5-7 phút, nên các em mất khá nhiều thời gian cân nhắc thông tin nào nên được đưa vào video để vừa đảm bảo độ dài vừa có thể thuyết phục người nghe. Ngoài ra, SV bậc 5 đã có thể sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh thành thạo để diễn đạt ý 1 cách chính xác và tinh tế, từ đó có thể viết 1 kịch bản video hấp dẫn nhưng với SV bậc 3 đây lại là 1 thách thức khá lớn. Cuối cùng, dù SV có kịch bản đã được chuẩn bị trước, có cơ hội tự tập nói nhiều lần trước khi lồng tiếng, và không cần đứng nói trước khán giả, các em vẫn gặp 1 số khó khăn như nói vấp, nói không đúng tốc độ, chưa thể hiện được cảm xúc trong lời nói v.v.

(Xem tiếp trang 332)

gập bụng 30s, bật xa và chạy tùy sức thì chưa đạt.

+ Nhóm thực nghiệm: chỉ số trung bình của 6/6 tiêu chuẩn đều có thành tích cao hơn mức đạt so với nữ lứa tuổi 19..

Riêng tiêu chuẩn dẻo gập thân thì chưa so sánh được. .

3. Kết luận

Thực trạng thể lực của sinh viên nữ Trường Đại học Hà Tĩnh sau khi kiểm tra có 4 tiêu chuẩn thấp hơn mức đạt và 2 tiêu chuẩn cao hơn mức đạt so với “Bộ tiêu chuẩn rèn luyện thể lực cho học sinh, sinh viên” ban hành theo quyết định số 53/2008 của Bộ GD&ĐT. Cụ thể: Cao hơn mức đạt: lực bóp tay thuận, chạy 30m xuất phát cao và chạy con thoi 4x10m. Thấp hơn mức đạt: Nằm ngửa gập bụng 30 giây; Chạy tùy sức 5 phút (m); Bật xa tại chỗ (cm)

Sau thực nghiệm, sự tăng trưởng các tiêu chuẩn thể lực của nhóm thực nghiệm đều có thành tích cao hơn nhóm đối chứng.

+ Nhóm đối chứng: chỉ số trung bình của 2/6 tiêu chuẩn đều có thành tích cao hơn mức đạt, 1 tiêu chuẩn ngang bằng mức đạt so với nữ lứa tuổi 19. Còn lại chỉ số trung bình của tiêu chuẩn nằm ngửa gập bụng 30s, bật xa và chạy tùy sức thì chưa đạt.

+ Nhóm thực nghiệm: chỉ số trung bình của 6/6

tiêu chuẩn đều có thành tích cao hơn mức đạt so với nữ lứa tuổi 19.

Riêng tiêu chuẩn dẻo gập thân thì chưa so sánh được.

Như vậy, với hệ thống 19 bài tập phát triển thể lực chung cho sinh viên nữ trường Đại học Hà Tĩnh cùng với kế hoạch tập luyện qua ứng dụng thực nghiệm đã chứng tỏ hiệu quả tốt, phù hợp lứa tuổi, giới tính và đây là những bài tập mang tính đại diện.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), quy định về đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV, ban hành theo quyết định số 53/2008/QĐ- BGDĐT ngày 18/9/2008

2. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Thể dục dụng cụ*. NXB TDTT, Hà Nội

3. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội

4. Nguyễn Kim Xuân (2001), *Nghiên cứu đánh giá trình độ tập luyện của nữ vận động viên thể dục dụng cụ ở giai đoạn huấn luyện ban đầu (6-8 tuổi)*, Luận án tiến sĩ giáo dục học.

5. Vũ Đức Thu (1988), *Cơ sở khoa học – sự phạm nhằm hoàn thiện công tác GDTC trong các trường Đại học Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Giáo dục – Matxcova

Tìm hiểu quan điểm của nghiên cứu sinh.....(tiếp theo trang 99)

2.6. 1 số nhận xét khác

Trong bài phỏng vấn, 1 số SV còn bày tỏ quan điểm về việc liệu bài tập lớn trong môn TADL có giúp các em cải thiện kỹ năng thuyết trình không. Có SV nói rằng, tuy cả nhóm được khuyến khích thuyết trình, kỹ năng thuyết trình của SV không có sự thay đổi sau bài tập lớn này vì kỹ năng nói trước công chúng và khả năng phát âm cần 1 quá trình dài để có thể tốt lên. Mặt khác, lại có SV cho rằng đây là cơ hội tốt để các em rèn luyện sự tự tin khi nói trước đám đông, đặc biệt là về các vấn đề tương đối mới và khó.

Nhiều SV cho rằng bài tập lớn này giúp SV phát huy được sự sáng tạo của mình vì ngoài việc tìm kiếm thông tin về địa điểm du lịch thì SV còn cần nghĩ cách để xây dựng 1 video sáng tạo, hấp dẫn về mặt nội dung và hình thức, cũng như thiết kế 1 tour du lịch có điểm nhấn khác biệt.

3. Kết luận

SV nhận thấy được các lợi ích của việc làm bài tập lớn môn TADL bao gồm (1) mở rộng kiến thức về chuyên ngành du lịch, (2) có cơ hội trải nghiệm

tại địa điểm du lịch được lựa chọn, (3) cải thiện 1 số kỹ năng như làm việc theo nhóm, làm slides, sáng tạo, thuyết trình SV cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình đó, bao gồm (1) lựa chọn 1 địa điểm du lịch phù hợp, (2) tìm kiếm thông tin về địa điểm đó, (3) làm việc trong 1 nhóm bao gồm các SV đến từ các lớp khác nhau, (4) lựa chọn thông tin để đưa vào video Tuy nhiên, trên thực tế, không bài tập lớn nào là không đặt ra 1 số khó khăn, thách thức nhất định cho người học. Do đó, để phát huy tối đa hiệu quả của bài tập lớn này, hi vọng nhóm biên soạn môn học TADL sẽ có các phương án hỗ trợ SV khắc phục các khó khăn nêu trên để các em có thể tiến hành bài tập lớn 1 cách thuận lợi hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Ennis, M., & Petrie, G. (Eds.). (2019). *Teaching English for tourism: Bridging research and praxis*. Routledge.

2. Marzá, N. E. (2014). A practical corpus-based approach to teaching English for tourism. *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*, 3(1), 129-136.